TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 243/2017/HSPT
Ngày: 15/9/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Sơn.
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lượng;
Ông Đinh Quang Nghĩa.
- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Hữu Tài- Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa***:
Bà Tống Thị Thu Hiền – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 15 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở TAND tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 186/2017/HSPT ngày 03/8/2017 do có kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị cáo Lý Văn C, các bị cáo Trương Thanh Q, Bàn Hồng T, Đặng Văn H và các người bị hại ông Nguyễn Văn H1, anh Vũ Đình L đối với bản án hình sự sơ thẩm số 74/2017/HSST ngày 20/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Lý Văn C, sinh ngày 01/11/1999 tại Đồng Nai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp S, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Dao; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ học vấn: 6/12; con ông Lý Mộc P, sinh năm 1969 và bà Đặng Thị M, sinh 1967; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại.

2. Bàn Hồng T, sinh năm 1992 tại Đồng Nai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp S, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Dao; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ học vấn: 12/12; con ông Bàn Quý P1, sinh 1962 và bà Chướng Thị V, sinh 1964; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt từ ngày 01/6/2016 cho đến nay.

3.Trương Thanh Q, sinh năm 1992 tại Đồng Nai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp S, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Dao; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ học vấn: 7/12; con ông Trương Văn Q1, sinh năm 1963 và bà Đặng Thị H2, sinh năm 1962; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt ngày 02/6/2016 cho đến nay.

4. Đặng Văn H, sinh năm 1997 tại Đồng Nai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp S, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Dao; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ học vấn: 7/12; con ông Đặng Sáng D (đã chết) và bà Lỷ Si M1, sinh năm 1966; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/6/2016 cho đến nay.

Các bị cáo bị người bị hại kháng cáo:

5. Đặng Xuân H3, sinh ngày 21/02/1998 tại Đồng Nai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp S, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Dao; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ học vấn: 7/12; con ông Đặng Văn P1, sinh 1971 và bà Trần Thị H4, sinh 1976; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt từ ngày 01/6/2016 cho đến nay.

6. Đặng Văn C1, sinh năm 1996 tại Đồng Nai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp S, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Dao; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ học vấn: 6/12; con ông: Đặng Xuân P1, sinh 1969 và bà Hà Thị H5, sinh năm 1969; vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt từ ngày 01/6/2016 cho đến nay.

7. **Lý Văn C2**, sinh năm 1997 tại Đồng Nai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp S, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Dao; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ học vấn: 5/12; con ông Lý Coỏng S (đã chết) và bà Đặng Thị B, sinh năm 1961; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bắt từ ngày 01/6/2016 cho đến nay.

8. Đặng Phúc S1, sinh năm 1997 tại Đồng Nai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp S, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Dao; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ học vấn: 7/12; cha: Đặng Sáng V1 (đã chết) và bà Lý Thị N, sinh năm 1964; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt từ ngày 01/6/2016 cho đến nay.

9. Trần Minh T1, sinh năm 1995 tại Đồng Nai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Dao; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ học vấn: 6/12; con ông: Trần Văn H6, sinh 1971 và bà Trương Thị K, sinh 1968; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt từ ngày 01/6/2016 cho đến nay.

10. Trần Minh C3, sinh năm 1997 tại Đồng Nai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Dao; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ học vấn: 8/12; con ông: Trần Văn H6, sinh 1971 và bà Trương Thị K, sinh 1968; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt từ ngày 01/6/2016 cho đến nay.

11. Lưng Hòng Đ2, sinh năm 1991 tại Đồng Nai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp S, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Dao; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ học vấn: 4/12; con ông Lương Văn P3, sinh năm 1955 và bà Lý Thị L2, sinh năm 1959; vợ, con:

Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/6/2016 cho đến nay.

12. Hoàng Công Đ1, sinh năm 1995 tại Đồng Nai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp S, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ học vấn: 7/12; con ông Hoàng Văn B1, sinh năm 1972 và bà Đặng Thị S2, sinh 1975; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt từ ngày 01/6/2016 cho đến nay.

13. Đặng Văn T2, sinh năm 1996 tại Đồng Nai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp S, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Dao; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ học vấn: 5/12; con ông Đặng Quay L1, sinh năm 1967 và bà Trương Thị N1, sinh 1969; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt từ ngày 01/6/2016 cho đến nay.

14. Lương Mạnh V2, sinh năm 1991 tại Đồng Nai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp S, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Dao; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ học vấn: 7/12; Con ông Lương Minh P6, sinh năm 1967 và bà Lý Thị T3, sinh năm 1964; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt từ ngày 10/6/2016 cho đến nay.

15. Vi Văn P4, sinh năm 1994 tại Đồng Nai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp S, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Dao; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ học vấn: 6/12; con ông: Vi Tiến S3 (đã chết) và bà Lý Thị H7, sinh năm 1963; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt ngày 02/6/2016 cho đến nay.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lý Văn C: Ông Lý Mộc P5, sinh năm 1969 và bà Đặng Thị M2, sinh năm 1967; HKTT: Ấp S, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Người bào chữa theo luật định cho bị cáo Lý Văn C: Ông Vũ Mạnh Hùng- thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: Tổ B khu phố C, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người bị hại kháng cáo:

1. Anh Vũ Đình L, sinh năm 1990.

HKTT: 131/5, ấp D 3, xã G 1, huyện T1, tỉnh Đồng Nai.

Chổ ở: F1/014, ấp N, xã Q, huyện T1, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1965.

HKTT: Ấp B1, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Các bị cáo Lý Văn C, Bàn Hồng T, Trương Thanh Q, Đặng Văn H, Đặng Xuân H3, Đặng Văn C1, Lý Văn C2, Đặng Phúc S1, Trần Minh T1, Trần Minh C3, Lưng Hòng Đ2, Hoàng Công Đ1, Đặng Văn T2, Lương Mạnh V2, Vi Văn P4; người bị hại Nguyễn Văn H1, Vũ Đình L; đại diện hợp pháp

của bị cáo là ông Lý Mộc P5, bà Đặng Thị M2; luật sư Vũ Mạnh H8 có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có:

Người bị hại: Anh Nguyễn Minh L3, sinh năm 1993, địa chỉ: Ấp B1, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai ; anh Trần Văn T4, sinh năm 1989, địa chỉ: Ấp B1, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai ; anh Nguyễn Văn T5, sinh năm 1990, địa chỉ: Ấp B1, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai ; chị Phan Thị Ngọc G, sinh năm 1991, địa chỉ: Ấp B1, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai ; Bà Mai Thị H9, sinh năm 1970, địa chỉ: Ấp B1, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Chương Đức A, sinh năm 2000, địa chỉ: Tổ 1 Ấp S xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; anh Trần Minh H10, sinh năm 1987, địa chỉ: Ấp B1 xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; anh Trần Sềnh L4, sinh năm 1992, địa chỉ: Tổ 7 Ấp S xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; anh Hoàng Văn B1, sinh năm 1972, địa chỉ: Tổ 9 Ấp S xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; anh Chóong Văn P6, sinh năm 1982, địa chỉ: Tổ 1 Ấp S xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; bà Lý Thị H7, sinh năm 1963, địa chỉ: Tổ 1 Ấp S xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; anh Trương Thanh V3, sinh năm 1988, địa chỉ: Tổ 1 Ấp S xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; anh Đặng Văn P1, sinh năm 1971, địa chỉ: Tổ 2 Ấp S xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; ông Lương Văn P3, sinh năm 1955, địa chỉ: Tổ 1 Ấp S xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; chị Đặng Thị N2, sinh năm 1991, địa chỉ: Tổ 1 Ấp S xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; Bà Lý Thị T3, sinh năm 1964, địa chỉ: Tổ 1 Ấp S xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; ông Bàn Quý P1, sinh năm 1962, địa chỉ: Tổ 1 Ấp S xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; bà Chương Thị N1, sinh năm 1969, địa chỉ: Tổ 2 Ấp S xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; bà Lỷ Sy M1 sinh năm 1966, địa chỉ: Ấp B1 xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Những người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.)

NHẬN THẤY

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán, Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Định Quán:

Lý Văn C, Đặng Xuân H3, Đặng Văn C1, Lý Văn C2, Đặng Phúc S1, Bàn Hồng T, Lưng Hòng Đ22, Hoàng Công Đ1, Đặng Văn T2, Trương Thanh Q, Lương Mạnh V2, Đặng Văn H, Vi Văn P4 cùng trú tại Ấp S, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai. Trần Minh T1, Trần Minh C3 cùng trú tại Ấp S, xã T và Trần Minh H10 – sinh năm 1987, Trần Sềnh L4 và Chương Đức A sinh ngày 12/12/2000 cùng trú tại Ấp S, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai là bạn bè quen biết với nhau. Riêng Trần Minh T1 và Trần Minh C3 là anh em ruột của nhau.

Vào khoảng 19 giờ ngày 31/5/2016, trong khi dự tiệc trà tại nhà của anh Đặng Văn T3 - sinh năm 1991, tại Ấp S, xã T, thì giữa anh Nguyễn Văn T5 - sinh năm 1990, trú tại Ấp B1, xã T và H2 có xảy ra mâu thuẫn. Anh T5 dùng thìa nhôm định đánh H2 nhưng được mọi người can ngăn nên không đánh được, H2 bỏ đi về. Sau đó, H2 gọi điện thoại cho P4 và hẹn P4 đến quán bida "Thiên Lý" thuộc Ấp B1, xã T để gặp H2 có chuyện, khi đó có Đ, H3 và C

cùng đến. H2 nói cho mọi người biết H2 bị T5 khiêu khích đánh nhau, nên H2 nhờ cả nhóm đến nhà của T5 để giải hòa giùm, thì được P4, Đ, H3 và C đồng ý.

Khi đi, Đ điều khiển xe mô tô biển số 60B4 - 523.73 chở P4, C điều khiển xe mô tô biển số 60B3 - 261.94, H3 điều khiển xe mô tô 60B4 - 129.01 đi đến nhà của anh T5 (do đã bị say rượu nên H2 không đi cùng). Khi đến nhà anh T5 thì C và H3 đứng đợi cách nhà anh T5 khoảng 15 mét, còn Đ và P4 vào gặp ông Nguyễn Văn H1 (là cha ruột của anh T5) xin lỗi T5 và nói T5 cùng quay lại dự tiệc trà, nhưng T5 không đồng ý.

Lúc này, C và H3 đứng ngoài đường, nhìn thấy anh T5 đứng trước cửa nhà trên tay cầm 01 con cầm dao, C nghĩ là anh T5 đánh Đ và P4, nên C và H3 bỏ chạy. C chạy đến đám tiệc trà gặp nhóm bạn gồm: Trần Minh T1, Bàn Hồng T, Chương Đức A, Đ1, S1 và Lái đang ngồi nhậu, C nói với cả nhóm là: Đ bị đánh và nhờ cả nhóm đến giúp. Thấy vậy, các đối tượng trên đồng ý đi cùng C đến nhà anh T5 để đánh T5 trả thù. Riêng Lái do đã say rượu không nghe thấy C nói gì, nhưng thấy mọi người cùng đi nên Lái cũng đi theo. Lúc này, V2 biết tin Đ bị đánh nên rủ thêm các đối tượng C1, C2, Chiến, Q, Đặng Văn T2 và Đặng Văn H đi trên 2 xe mô tô đến đánh anh T5 và gia đình anh T5 để trả thù thì tất cả đồng ý.

Khoảng 23 giờ cùng ngày, Đ1 điều khiển xe mô tô biển số 60B4 - 412.00 chở Bàn Hồng T, Q điều khiển xe mô tô biển số 52K8 - 9076 chở S1, Trần Minh T1 điều khiển xe mô tô biển số 60B4 - 382.87 chở Lái, V2 điều khiển xe mô tô biển số 60B4 - 384.11 chở C1 và H, C2 điều khiển xe mô tô biển số 60B4 - 239.98 chở Chiến và T2. Tất cả đi đến khu vực lô giá tỵ thuộc Ấp B1, xã T rồi dựng xe trong vườn chanh. Lúc này, Lái biết các đối tượng trên đi đánh nhau nên Lái không tham gia và bỏ đi về. Số đối tượng còn lại gồm: S1 cầm theo 01 con dao (loại dao chặt củi) dùng làm hung khí, H3 cầm theo 01 cây giá tỵ dài khoảng 80cm, đường kính khoảng 3cm, C1 cầm theo 01 cây tre dài khoảng 1m, đường kính khoảng 3cm, H cầm theo 01 cây tre dài khoảng 50cm, đường kính khoảng 3cm, P4 cầm theo 01 cây tre dài khoảng 80cm, đường kính khoảng 3cm, Bàn Hồng T cầm theo 01 cây gỗ dài khoảng 60cm, đường kính khoảng 3cm, Chiến cầm theo 01 cây trúc khô dài khoảng 80cm, đường kính khoảng 3cm, Chương Đức A cầm theo 01 khúc cây giá tỵ, còn V2, Đ, Đ1, C2, C, Q, Đặng Văn T2 và Trần Minh T1 không mang theo hung gì cùng đi vào nhà anh T5. Đến trước sân nhà, Q nhặt 01 con dao dùng làm hung khí. Cả nhóm xông vào nhà dùng dao chém, dùng cây và tay chân đánh anh Nguyễn Văn T5, anh Trần Văn T4, anh Nguyễn Minh L3, anh Vũ Đình L, chị Phan Thị Ngọc G, chị Nguyễn Thị Hồng N3, Bà Mai Thị H9, ông Nguyễn Văn H1 gây T3 tích, sau khi đánh xong cả nhóm đi về.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra, Lý Văn C, Hoàng Công Đ1, Đặng Phúc S1, Trần Minh T1, Đặng Văn T2, Bàn Hồng T, Lý Văn C2, Đặng Xuân H3, Đặng Văn C1, Trần Minh C3, Trương Thanh Q, Vi Văn P4, Lương Mạnh V2, Lưng Hòng Đ2, Đặng Văn H đã khai nhận mọi hành vi phạm tội của bản thân (bút lục số 442 - 574).

**** Hậu quả:***

Gia đình anh Nguyễn Văn T5 có 7 người bị T3 gồm: anh Vũ Đình L, anh Nguyễn Minh L3, anh Trần Văn T4, anh Nguyễn Văn T5, chị Phan Thị Ngọc G, ông Nguyễn Văn H1 và Bà Mai Thị H9.

1) Đối với anh Vũ Đình L: Căn cứ Bản kết luận giám định pháp y về T3 tích số: 0524/GĐPY/2016 ngày 13/6/2016 và Bản giám định vật gây T3 tích số 0824/GĐPY/2016 ngày 17/9/2016 của Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Nai, kết luận anh Vũ Đình L bị thương tích như sau:

- Tổn thương gãy hở xương bàn V tay trái phải phẩu thuật kết hợp xương. Ti lệ: 10%.
- Tổn thương mẻ xương quay tay trái đến tủy xương. Tỉ lệ 03%.
- Tổn thương đứt cơ duỗi chung các ngón, duỗi ngón trỏ, duỗi ngón út, duỗi cổ tay trụ, duỗi cổ tay quay và gân duỗi ngón V bên trái đã được phẩu thuật khâu nối gân, hiện để lại hạn chế vận động duỗi các ngón tay trái. Tổn thương này do vật sắc tác động theo hướng gần vuông góc với da gây nên. Tỉ lệ: 04%.
- Vết thương 1/3 trên mặt trước ngoài kéo dài ra mặt sau cẳng tay trái để lại sẹo kích thước 12x0,2cm, vết thương cổ tay trái để lại sẹo kích thước 2,5x0,2cm, vết thương mặt sau cổ bàn tay trái để lại sẹo kích thước 15x0,4cm. Tổn thương này do vật sắc hoặc vật sắc nhọn tác động theo hướng tiếp tuyến với da gây nên. Tỉ lệ: 07%.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể (áp dụng theo phương pháp cộng lùi) do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là **22%** (Bút lục số 336 - 340).

2) Đối với anh Nguyễn Minh L3: Căn cứ Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 0492/GĐPY/2016 ngày 13/6/2016 và Bản giám định vật gây thương tích số 0855/GĐPY/2016 ngày 17/9/2016 của Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Nai, kết luận anh Nguyễn Minh L3 bị thương tích như sau:

- Vết thương cằm phải để lại sẹo kích thước 01x0,7cm. Tổn thương này do vật tày tác động gây nên
- Vết thương ngực phải để lại sẹo kích thước 1,2x0,2cm; Vết thương trên đầu cơ Delta bên trái để lại sẹo kích thước 04x0,2cm. Tổn thương này do vật sắc tác động theo tiếp tuyến với da hoặc vật sắc nhọn tác động nhẹ theo tiếp tuyến với da gây nên.
- Vết thương hông lưng trái để lại sẹo kích thước 04x0,3cm. Tổn thương này do vật sắc tác động lực nhẹ theo hướng tiếp tuyến với da hoặc vật sắc nhọn tác động nhẹ theo tiếp tuyến với da gây nên.
- 02 vết thương đùi phải để lại sẹo kích thước 1,5x0,5cm và 3,5x02cm. Tổn thương này do vật sắc tác động theo hướng tạo thành góc nhọn với bề mặt của da gây nên mất vạt da.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là **06%** (Bút lục số 326 - 330).

3) Đối với anh Trần Văn T4: Căn cứ Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 0483/GĐPY/2016 ngày 22/6/2016 và Bản giám định vật gây thương tích số 0852/GĐPY/2016 ngày 17/9/2016 của Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Nai, kết luận anh Trần Văn T4 bị thương tích như sau:

- Vết thương đỉnh chẩm trái để lại sẹo kích thước 07x0,2cm. Tổn thương này do vật sắc tác động theo tiếp tuyến với da hoặc vật sắc nhọn tác động nhẹ theo tiếp tuyến với da gây nên.

- Vết thương niêm mạc môi dưới để lại sẹo kích thước 1,2x0,2cm; Tổn thương này do vật tày tác động gây nên.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là **03%** (Bút lục số 321 - 325).

4) Đối với anh Nguyễn Văn T5: Căn cứ Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 0493/GĐPY/2016 ngày 13/6/2016 và Bản giám định vật gây thương tích số 0854/GĐPY/2016 ngày 17/9/2016 của Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Nai, kết luận anh Nguyễn Văn T5 bị thương tích như sau:

- Vết thương chấm giữa để lại sẹo kích thước 1,2x0,2cm. Tổn thương này do vật tày tác động gây nên.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là **01%** (Bút lục số 331 - 335).

5) Đối với chị Phan Thị Ngọc G: Căn cứ Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 0481/GĐPY/2016 ngày 08/6/2016 và Bản giám định vật gây thương tích số 0853/GĐPY/2016 ngày 17/9/2016 của Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Nai, kết luận chị Phan Thị Ngọc G bị thương tích như sau:

- Vết thương vùng trán trái (đầu trong cung mày trái) để lại sẹo kích thước 02x0,2cm. Tổn thương này do vật sắc tác động theo tiếp tuyến với da hoặc vật sắc nhọn tác động nhẹ theo tiếp tuyến với da gây nên.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là **01%** (Bút lục số 316 - 320).

6) Đối với ông Nguyễn Văn H1: Căn cứ Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 0484/GĐPY/2016 ngày 17/6/2016 của Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Nai, kết luận ông Nguyễn Văn H1 bị thương tích như sau:

- Chấn thương ngực và cẳng tay phải; Xây xát da cẳng tay phải.

Không định tỷ lệ cho chấn thương phần mềm vùng ngực và cẳng tay phải không để lại di chứng, không ảnh hương chức năng (Bút lục số 310 - 312).

7) Đối với Bà Mai Thị H9: Căn cứ Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 0482/GĐPY/2016 ngày 09/6/2016 của Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Nai, kết luận Bà Mai Thị H9 bị thương tích như sau:

- Chấn thương đầu, mắt trái, ngực, thắt lưng trái, mông trái và cánh tay phải.

Không định tỷ lệ cho chấn thương phần mềm vùng đầu, mắt trái, ngực, thắt lưng trái, mông trái và cánh tay phải không để lại di chứng, không ảnh hương chức năng. (Bút lục số 313 - 315).

**Vật chứng vụ án:*

- 01 con dao dài 42 cm, cán bằng gỗ dài 10 cm, lưỡi dao màu đen, rộng 03cm ; 01 con dao dài 30 cm, bị gãy cán, lưỡi dao màu đen, bản rộng 4cm; 01 cây tre dài 1,2 cm; đường kính 4 cm; 01 cây tre dài 80cm, đường kính 3 cm; 01 cây gỗ dài 80 cm.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 74/2017/HSST ngày 20/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán quyết định:

Áp dụng: điểm a, c, i, khoản 1, khoản 2, Điều 104 ; điểm p, khoản 1, khoản 2, Điều 46; Điều 53; Điều 68, Điều 69, Điều 74 của Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 2, Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Lý Văn C 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án.

Áp dụng: điểm a, c, i, khoản 1, khoản 2, Điều 104 ; điểm p, khoản 1, khoản 2, Điều 46; Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 2, Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt:

-Bị cáo Hoàng Công Đ1 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/6/2016.

-Bị cáo Trần Minh T1 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/6/2016.

-Bị cáo Đặng Văn T2 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/6/2016.

-Bị cáo Lý Văn C2 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/6/2016.

-Bị cáo Lương Mạnh V2 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/6/2016.

-Bị cáo Lưng Hòng Đ2 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/6/2016.

-Bị cáo Đặng Xuân H3 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù . Thời hạn tù tính từ ngày 01/6/2016.

-Bị cáo Đặng Văn C1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù . Thời hạn tù tính từ ngày 01/6/2016.

-Bị cáo Trần Minh C3 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù . Thời hạn tù tính từ ngày 01/6/2016.

-Bị cáo Vi Văn P4 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù . Thời hạn tù tính từ ngày 02/6/2016.

-Bị cáo Bàn Hồng T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù . Thời hạn tù tính từ ngày 01/6/2016

-Bị cáo Đặng Văn H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù . Thời hạn tù tính từ ngày 10/6/2016.

-Bị cáo Đặng Phúc S1 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/6/2016.

-Bị cáo Trương Thanh Q 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/6/2016.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 2, Điều 305; Điều 604, Điều 605, Điều 606; Điều 608; Điều 609; Điều 616 của Bộ luật dân sự năm 2005:

Buộc ông Lý Mộc P4 và bà Đặng Thị M2 phải bồi thường cho anh Vũ Đình L số tiền 312.000đ (Ba trăm mười hai ngàn đồng), bồi thường cho anh Nguyễn Văn T5 số tiền 280.000 đ (hai trăm tám mươi ngàn đồng), bồi thường cho anh Trần Văn Tính số tiền 303.000 đ (Ba trăm lẻ ba ngàn đồng), bồi thường cho anh Nguyễn Minh L3 số tiền 302.000đ (Ba trăm lẻ hai ngàn

đồng), bồi thường cho chị Phan Thị Ngọc G 259.000đ (Hai trăm năm mươi chín ngàn đồng), bồi thường cho Bà Mai Thị H9 số tiền là 270.000đ (Hai trăm bảy mươi ngàn đồng), bồi thường cho ông Nguyễn Văn H1 số tiền là 231.000đ (Hai trăm ba mươi mốt ngàn đồng).

Buộc các bị cáo Hoàng Công Đ1, Đặng Phúc S1, Bàn Hồng T, Đặng Xuân H3, Đặng Văn C1, Trương Thanh Q, Vi Văn P4, Lương Mạnh V2, Lưng Hòng Đ2, Đặng Văn H mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh Vũ Đình L số tiền là 312.000đ (Ba trăm mười hai ngàn đồng).

Buộc bị cáo Lý Văn C2 và bị cáo Đặng Văn T2 mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh Vũ Đình L số tiền 1.312.000đ (Một triệu ba trăm mười hai ngàn đồng).

Buộc bị cáo Trần Minh C3, Trần Minh T1 mỗi bị cáo phải bồi thường anh Vũ Đình L số tiền 2.312.000 đ (Hai triệu ba trăm mười hai ngàn đồng).

Buộc các bị cáo Hoàng Công Đ1, Đặng Phúc S1, Bàn Hồng T, Đặng Xuân H3, Đặng Văn C1, Trương Thanh Q, Vi Văn P4, Lương Mạnh V2, Lưng Hòng Đ2, Đặng Văn H, Lý Văn C2, Đặng Văn T2, Trần Minh C3, Trần Minh T1 mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn T5 số tiền 280.000 đ (hai trăm tám mươi ngàn đồng), bồi thường cho anh Trần Văn T4 số tiền 303.000 đ (Ba trăm lẻ ba ngàn đồng), bồi thường cho anh Nguyễn Minh L3 số tiền 302.000đ (Ba trăm lẻ hai ngàn đồng), bồi thường cho chị Phan Thị Ngọc G 259.000đ (Hai trăm năm mươi chín ngàn đồng), bồi thường cho Bà Mai Thị H9 số tiền là 270.000đ (Hai trăm bảy mươi ngàn đồng), bồi thường cho ông Nguyễn Văn H1 số tiền là 231.000đ (Hai trăm ba mươi mốt ngàn đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 27/6/2017, người đại diện hợp pháp của bị cáo Lý Văn C là ông Lý Mộc P5, bà Đặng Thị M2 có đơn xin giảm hình phạt hoặc hưởng án treo.

Ngày 30/6/2017, bị cáo Trương Thanh Q có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt .

Ngày 30/6/2017, bị cáo Bàn Hồng T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 02/7/2017, bị cáo Đặng Văn H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 04/7/2017, người bị hại Nguyễn Văn H1 có đơn kháng cáo đề nghị tăng hình phạt, tăng bồi thường dân sự cho các bị cáo Lý Văn C, Đặng Xuân H3, Đặng Văn C1, Lý Văn C2, Đặng Phúc S1, Trần Minh T1, Trần Minh H11, Lưng Hòng Đ22, Hoàng Công Đ1, Đặng Văn T2, Trương Thanh Q, Lương Mạnh V2, Đặng Văn H, Vi Văn P4 và đề nghị tịch thu các xe mô tô là phương tiện do các bị cáo điều khiển đến nhà các người bị hại để gây thương tích.

Ngày 04/7/2017, người bị hại Vũ Đình L có đơn kháng cáo đề nghị tăng hình phạt, tăng bồi thường dân sự cho các bị cáo Lý Văn C, Đặng Xuân H3, Đặng Văn C1, Lý Văn C2, Đặng Phúc S1, Trần Minh T1, Trần Minh H11, Lưng Hòng Đ22, Hoàng Công Đ1, Đặng Văn T2, Trương Thanh Q,

Lương Mạnh V2, Đặng Văn H, Vi Văn P4 và đề nghị tịch thu các xe mô tô là phương tiện do các bị cáo điều khiển đến nhà các người bị hại để gây thương tích (biển số 60B4- 382.87, 60B4- 385.11, 60B4- 523.73, 60B4-412.00, 52K8-9076, 60B4- 239.98).

Quan điểm của luật sư bào chữa theo luật định của bị cáo Lý Văn C: Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán và Tòa án nhân dân huyện Định Quán truy tố và xét xử bị cáo Lý Văn C về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại khoản 2 Điều 104 BLHS là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên cũng đề nghị HĐXX xem xét thêm đối với bị cáo tuổi đời còn trẻ, khi phạm tội bị cáo còn ở lứa tuổi vị thành niên, hoàn cảnh gia đình cũng thật sự khó khăn, gia đình bị cáo cũng chấp nhận bồi thường 01 số tiền khắc phục hậu quả, đề nghị HĐXX xem xét 01 phần hình phạt cho bị cáo.

Quan điểm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Đơn kháng cáo của các bị cáo trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các bị cáo có đủ cơ sở xác định:

Hành vi của các bị cáo Lý Văn C, Hoàng Công Đ1, Đặng Phúc S1, Trần Minh T1, Đặng Văn T2, Bàn Hồng T, Lý Văn C2, Đặng Xuân H3, Đặng Văn C1, Trần Minh C3, Trương Thanh Q, Vi Văn P4, Lương Mạnh V2, Lưng Hòng Đ2, Đặng Văn H phạm tội "*Cố ý gây thương tích*" theo quy định tại khoản 2 Điều 104 BLHS.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trương Thanh Q, Đặng Văn H xin rút đơn kháng cáo nên đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định.

Bị cáo Lý Văn C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào khác nên đề nghị HĐXX bác đơn kháng cáo của bị cáo C. Bị cáo Bàn Hồng T sau khi xét xử sơ thẩm đã tự nguyện bồi thường để khắc phục hậu quả và đã được người bị hại là ông Nguyễn Văn H1 và anh Nguyễn Đình L có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xét đây là tình tiết mới, đề nghị HĐXX giảm nhẹ 01 phần hình phạt cho bị cáo Bàn Hồng T.

Đối với người bị hại ông Nguyễn Văn H1, anh Vũ Đình L kháng cáo đề nghị tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo Lý Văn C, Đặng Xuân H3, Đặng Văn C1, Lý Văn C2, Đặng Phúc S1, Trần Minh T1, Trần Minh H11, Lưng Hòng Đ2, Hoàng Công Đ1, Đặng Văn T2, Trương Thanh Q, Lương Mạnh V2, Đặng Văn H, Vi Văn P4, nhưng không thể cung cấp tình tiết tăng nặng gì mới đối với các bị cáo nên đề nghị HĐXX bác kháng cáo của người bị hại.

Đối với phần bồi thường kháng cáo tăng bồi thường dân sự, đề nghị HĐXX xem xét lại các khoản chi phí đối với người bị hại Vũ Đình L.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, người bị hại, luật sư theo luật định của bị cáo;

XÉT THẤY

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bị cáo Lý Văn C, Đặng Xuân H3, Đặng Văn C1, Lý Văn C2, Đặng Phúc S1, Bàn Hồng T, Trần Minh T1, Trần Minh H11, Lưng Hòng Đ2, Hoàng Công Đ1, Đặng Văn T2, Trương Thanh Q, Lương Mạnh V2, Đặng Văn H, Vi Văn P4 đã khai nhận, các bị cáo đã cùng nhau thực hiện hành vi cố ý gây thương tích cho các người bị hại và theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy:

Vào khoảng 23 giờ ngày 31/5/2016, các bị cáo (không có mâu thuẫn với gia đình ông Nguyễn Văn H1) đã vào nhà ông Nguyễn Văn H1 ở Ấp B1, xã T dùng dao, cây gỗ và tay chân gây thương tích cho những người trong ông Nguyễn Văn H1, trong đó anh Vũ Đình L bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 22%, anh Nguyễn Minh L3 bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 06%, anh Trần Văn T4 là 3%, anh Nguyễn Văn T5 là 1%, chị Phan Thị Ngọc G là 1%.

Lời khai của các bị cáo là phù hợp lời khai của những người bị hại, phù hợp với bản kết luận giám định pháp y về thương tích, bản giám định vật gây thương tích, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường và các vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Với các hành vi nêu trên, các bị cáo đã bị cấp sơ thẩm xử phạt về tội: "*Cố ý gây thương tích*" với các tình tiết định khung tăng nặng "dùng hung khí nguy hiểm", "đối với nhiều người", và "có tính chất côn đồ" theo quy định điểm a, c, i, khoản 1, khoản 2, Điều 104 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, dùng hung khí nguy hiểm gây thương tật nặng cho người bị hại với tỷ lệ 22% (anh Vũ Đình L), 06% (anh Nguyễn Minh L3), 03% (anh Trần Văn T4), 01% (anh Nguyễn Văn T5), 01% (chị Phan Thị Ngọc G) là nghiêm trọng đã phạm vào định khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 104 BLHS có khung hình phạt từ 2 năm đến 07 năm tù. Tuy nhiên, do khoản 2, Điều 134 của Bộ luật hình sự 2015 có khung hình phạt nhẹ hơn so với khoản 2, Điều 104 của Bộ luật hình sự 1999 nên áp dụng thêm khoản 2, Điều 134 của Bộ luật hình sự 2015 đối với bị cáo theo Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27-11-2015 của Quốc Hội về thi hành Bộ luật hình sự.

Cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết các bị cáo chưa có tiền án tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp luật còn hạn chế nên áp dụng điểm p, khoản 1, khoản 2, Điều 46 của bộ luật hình sự để xem xét tình tiết giảm nhẹ là có căn cứ.

Bị cáo Lý Văn C đang tại ngoại nhưng không có căn cứ cho thấy bị cáo có thể trốn hoặc tiếp tục phạm tội nên không bắt tạm giam bị cáo ngay sau khi tuyên án.

Cấp sơ thẩm xử bị cáo Lý Văn C 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; bị cáo Hoàng Công Đ1 02 (hai) năm tù; bị cáo Trần Minh T1 02 (hai) năm tù; bị cáo Đặng Văn T2 02 (hai) năm tù; bị cáo Lý Văn C2 02 (hai) năm tù; bị cáo Lương Mạnh V2 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/6/2016; bị cáo Lưng Hòng Đ2 02 (hai) năm tù; bị cáo Đặng Xuân H3 02 (hai) năm 06 (sáu)

tháng tù; bị cáo Đặng Văn C1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù; bị cáo Trần Minh C3 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù; bị cáo Vi Văn P4 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù; bị cáo Bàn Hồng T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù; bị cáo Đặng Văn H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù; bị cáo Đặng Phúc S1 03 (ba) năm tù; bị cáo Trương Thanh Q 03 (ba) năm tù là tương xứng với tính chất mức độ phạm tội của các bị cáo.

Tuy nhiên, theo các chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện gia đình các bị cáo Lý Văn C, Bàn Hồng T, Trương Thanh Q, Đặng Văn H, Đặng Xuân H3, Đặng Văn C1, Đặng Phúc S1, Lưng Hòng Đ2, Hoàng Công Đ1, Lương Mạnh V2, Vi Văn P4 mỗi gia đình đã bồi thường cho anh Vũ Đình L số tiền 2.000.000đ; gia đình Đặng Văn T2, Lý Văn C2 bồi thường số tiền 1.000.000 đ cho anh Vũ Đình L. Cấp sơ thẩm cần lưu ý phải áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS cho các bị cáo trên (trừ 02 bị cáo Trần Minh T1, Trần Minh C3 chưa bồi thường cho người bị hại).

Riêng đối với bị cáo Bàn Hồng T, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo T2 đã tự nguyện tiếp tục bồi thường thiệt hại, khắc phục toàn bộ hậu quả và được người bị hại anh Vũ Đình L, ông Nguyễn Văn H1 có đơn xin giảm án cho bị cáo Bàn Hồng T. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới của bị cáo tại cấp phúc thẩm, HĐXX sẽ xem xét cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lý Văn C tiếp tục kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp những tình tiết giảm nhẹ nào khác ngoài những tình tiết cấp sơ thẩm đã xem xét nên không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo Trương Thanh Q và Đặng Văn H có yêu cầu xin rút kháng cáo nên HĐXX chấp nhận, không đặt ra để xem xét đối với yêu cầu xin giảm án của các bị cáo nữa.

Người bị hại ông Nguyễn Văn H1, ông Vũ Đình L kháng cáo đề nghị tăng nặng hình phạt cho các bị cáo (trừ bị cáo Bàn Hồng T) nhưng không cung cấp thêm được những tình tiết tăng nặng mới nên không có căn cứ để chấp nhận.

Xét nội dung kháng cáo tăng bồi thường dân sự của các người bị hại ông Nguyễn Văn H1, anh Vũ Đình L:

Đối với yêu cầu tăng bồi thường của ông Nguyễn Văn H1, cấp sơ thẩm tuyên buộc các bị cáo bồi thường cho ông Hai, bao gồm các khoản: Tiền thuốc và viện phí.... có hóa đơn, biên lai từ BL 364 đến BL 368 là 253.000 đ; tiền thuê xe cấp cứu từ xã T đi Bệnh viện đa khoa khu vực Đ trong đêm 31/5/2016 (gồm 7 người) 1.200.000 đ và 50.000 đ tiền qua phà, tổng cộng là 1.250.000 đ/ 7 người= 178.571 đ; tiền giám định pháp y: 1.215.000 đ; tiền thuê xe đi giám định pháp y ngày 08/6/2016: 1.200.000 đ nhưng đi chung với anh Tính, chị Giàu, ông Hai nên số tiền là 1.200.000 đ/ 4 người=300.000đ; thu nhập thực tế bị mất đi: theo giấy chứng nhận thương tích ngày 03/6/2016 (BL 423) thì ông Hai điều trị tại Bệnh viện đa khoa khu vực Đ ngày 03/6/2016 và xuất viện trong ngày 03/6/2016 nên thời gian điều trị là 01 ngày và 01 ngày đi giám định pháp y. Ông Hai nghề nghiệp làm rẫy ông tự nguyên yêu cầu tiền công lao động là 160.000 đ/ ngày nên chấp nhận tiền thu nhập bị

mất đi của ông Hai trong 02 ngày là 320.000 đ; khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm là 01 tháng lương tối thiểu (1.210.000 đ / tháng x 01 tháng = 1.210.000 đ). Tổng cộng chi phí buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho ông Hai là: **3.476.000đ**. HĐXX xét thấy thương tích các bị cáo gây ra cho ông Nguyễn Văn H1 không để lại di chứng, không ảnh hưởng tới chức năng, cấp sơ thẩm đã xem xét các khoản yêu cầu trên là phù hợp, người bị hại ông Nguyễn Văn H1 kháng cáo đề nghị tăng bồi thường dân sự cho ông Hai là không có cơ sở nên không chấp nhận.

Đối với yêu cầu tăng bồi thường của anh Vũ Đình L, cấp sơ thẩm tuyên buộc các bị cáo bồi thường cho anh L, bao gồm các khoản: Tiền thuốc và tiền viện phí... có hóa đơn, biên lai từ BL 375 đến 403 là 17.474.000 đ; tiền thuê xe cấp cứu từ xã T đi Bệnh viện đa khoa khu vực Đ trong đêm 31/5/2016 (gồm 7 người) 1.200.000 đ là 50.000 đ (không có hóa đơn chứng từ), tổng cộng là 1.250.000 đ / 7 người= 178.571 đ; tiền thuê xe chuyển lên Bệnh viện T1: 846.000 đ; tiền thuê xe đi giám định pháp y: 1.200.000 đ; tiền giám định pháp y: 1.215.000 đ; thu nhập thực tế bị mất đi là 07 ngày. Anh L thu nhập 400.000 đ/ ngày, mức thu nhập thực tế bị mất đi là 400.000 đ/ ngày x 07 ngày = 2.800.000 đ; chi phí hợp lý và phần thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị: tiền xe đi về là 100.000đ, tiền C lao động trung bình thực tế tại địa phương là 200.000 đ/ ngày, tổng cộng là 1.300.000đ; khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm là 8 tháng lương tối thiểu: 1.210.000 đ / tháng x 8 tháng = 9.680.000 đ. Tổng cộng chi phí cấp sơ thẩm buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho anh L là **34.693.000 đ**. Xét thấy, anh L bị thương tích ở tay trái với tỷ lệ thương tật là 22%, đã ảnh hưởng đến công việc và thẩm mỹ trong quá trình điều trị và phục hồi, cần thiết tăng mức bồi thường bù đắp tổn thất tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm là 15 tháng lương cơ sở: 1.300.000 đ/tháng x 15 tháng = **19.500.000 đ** (theo quy định số 47/2017/NĐ-CP ngày 24/4/2017 của Chính phủ quy định mức lương cơ bản được áp dụng từ ngày 01/7/2017 là 1.300.000đ), như vậy mức bồi thường bù đắp tổn thất tinh thần tăng thêm so với cấp sơ thẩm đã tuyên là: 19.500.000đ- 9.680.000đ = **9.820.000đ** (*Chín triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng*). Đối với yêu cầu bồi thường khoản tiền 10.000.000đ chi phí dự tính mổ lại, chi phí này không phải là khoản chi phí thực tế bỏ ra và anh L không có tài liệu chứng cứ nào để chứng minh nên không chấp nhận. Anh L có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật. Như vậy tổng cộng chi phí buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho anh L là: 34.693.000đ + 9.820.000đ = **44.513.000đ** (*Bốn mươi bốn triệu năm trăm mười ba nghìn đồng*).

Các bị cáo cùng nhau gây thiệt hại và lỗi trong vụ án này hoàn toàn do các bị cáo nên các bị cáo phải liên đới bồi thường toàn bộ cho người bị hại theo quy định tại Điều 616 của Bộ luật dân sự. Riêng bị cáo Lý Văn C là người chưa thành niên không có tài sản riêng nên buộc cha mẹ bị cáo là ông Lý Mộc P5 và bà Đặng Thị M2 phải bồi thường cho người bị hại theo quy định tại khoản 2, Điều 606 của Bộ luật dân sự.

Gia đình các bị cáo Lý Văn C, Trương Thanh Q, Đặng Văn H, Đặng Xuân H3, Đặng Văn C1, Đặng Phúc S1, Lưng Hòng Đ2, Hoàng Công Đ1, Lương Mạnh V2, Vi Văn P4 mỗi gia đình đã bồi thường cho anh Vũ Đình L số tiền 2.000.000đ. Gia đình bị cáo Lý Văn C2, bị cáo Đặng Văn T2 bồi thường số tiền 1.000.000đ cho anh Vũ Đình L nên số tiền nay được khấu trừ vào tổng số tiền các bị cáo phải bồi thường cho anh L.

Buộc ông Lý Mộc P5 và bà Đặng Thị M2 phải bồi thường cho anh Vũ Đình L số tiền 2.967.533đ, Ông P5 và Bà M2 đã bồi thường 2.000.000đ nên phải bồi thường tiếp cho anh L số tiền 967.533đ; bồi thường cho ông Nguyễn Văn H1 số tiền là 231.000đ.

Buộc các bị cáo Trương Thanh Q, Đặng Văn H, Đặng Xuân H3, Đặng Văn C1, Lý Văn C2, Đặng Phúc S1, Trần Minh T1, Trần Minh C3, Lưng Hòng Đ2, Hoàng Công Đ1, Đặng Văn T2, Lương Mạnh V2, Vi Văn P4, mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh Vũ Đình L số tiền 2.967.533đ. Gia đình các bị cáo Trương Thanh Q, Đặng Văn H, Đặng Xuân H3, Đặng Văn C1, Đặng Phúc S1, Lưng Hòng Đ2, Hoàng Công Đ1, Lương Mạnh V2, Vi Văn P4 đã bồi thường số tiền 2.000.000đ nên mỗi bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền là 967.533đ. Gia đình bị cáo Lý Văn C2 và Đặng Văn T2 đã bồi thường 1.000.000đ nên bị cáo Lý Văn C2 và bị cáo Đặng Văn T2 phải bồi thường tiếp số tiền là 1.967.533đ cho anh L.

Buộc các bị cáo Trương Thanh Q, Đặng Văn H, Đặng Xuân H3, Đặng Văn C1, Lý Văn C2, Đặng Phúc S1, Trần Minh T1, Trần Minh C3, Lưng Hòng Đ2, Hoàng Công Đ1, Đặng Văn T2, Lương Mạnh V2, Vi Văn P4 mỗi bị cáo phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn H1 số tiền là 231.000đ.

Xét nội dung kháng cáo của người bị hại đề nghị tịch thu các xe mô tô do các bị cáo dùng làm phương tiện di chuyển đến nhà ông Nguyễn Văn H1 để gây thương tích cho các người bị hại, HĐXX xét thấy:

Theo các phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông của Công an huyện Định Quán (BL 443 đến 449) và lời khai của các bị cáo thì có đủ căn cứ xác định: bị cáo Trần Minh T1 là chủ sở hữu xe mô tô **60B4-382.87**, bị cáo Lương Mạnh V2 là chủ sở hữu xe mô tô **60B4-384.11**, Lưng Hòng Đ2 là chủ sở hữu xe mô tô **60B4-523.73**, Hoàng Công Đ1 là chủ sở hữu xe mô tô **60B4-412.00**.

Bên cạnh đó, theo lời khai của các bị cáo có trong hồ sơ thể hiện, bị cáo Lý Văn C và Đặng Phúc S1 đã sử dụng 02 xe mô tô để tới hiện trường và gây thương tích cho người bị hại.

Như vậy, các bị cáo này dùng xe mô tô làm phương tiện phạm tội nhưng cơ quan điều tra cho rằng xe của gia đình các bị cáo nên không thu giữ là trái với quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 41 của Bộ luật hình sự và điều 74, điều 75 và điểm a, khoản 2, Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự. Cấp sơ thẩm đã đã trả hồ sơ để yêu cầu điều tra bổ sung với nội dung tiến hành thu giữ các xe mô tô trên để xử lý theo quy định của pháp luật nhưng Cơ quan điều tra Công an huyện Định Quán và Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán không tiến hành thu giữ với lý do xe của cha mẹ các bị cáo bỏ tiền ra mua cho các bị cáo

đứng tên và các bị cáo chỉ điều khiển xe đến trước hiện trường rồi đi bộ vào. Theo văn bản số 34/CV-VKS ngày 23/5/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán thì gia đình các bị cáo đã bán các chiếc xe mô tô trên cho những người không rõ nhân thân lai lịch nên không thu hồi được. Xét thấy, các bị cáo đã sử dụng các xe mô tô **60B4-382.87**, **60B4-384.11**, **60B4-523.73**, **60B4-412.00** do chính các bị cáo đứng tên sở hữu (BL 443-449) và những xe mô tô khác để làm phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần thiết phải điều tra, xác minh làm rõ tình tiết này. Trong trường hợp, các xe mô tô trên do các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội là do các bị cáo đứng tên sở hữu thì phải tịch thu, sung quỹ nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự. Việc không tạm giữ các xe mô tô trên trong quá trình điều tra, truy tố là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về xử lý vật chứng mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung, do đó cần hủy 01 phần xử lý vật chứng của bản án sơ thẩm số 74/2017/HSST ngày 20/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán để điều tra lại và giải quyết nội dung xử lý vật chứng theo thủ tục chung.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai là phù hợp 01 phần nên chấp nhận 01 phần, chấp nhận 01 phần quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo Lý Văn C.

Về mức hình phạt, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo Lý Văn C, Trương Thanh Q, Đặng Văn H, Đặng Xuân H3, Đặng Văn C1, Lý Văn C2, Đặng Phúc S1, Trần Minh T1, Trần Minh C3, Lưng Hòng Đ2, Hoàng Công Đ1, Đặng Văn T2, Lương Mạnh V2, Vi Văn P4; xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Bàn Hồng T.

Về bồi thường dân sự, không chấp nhận kháng cáo đề nghị tăng bồi thường của người bị hại Nguyễn Văn H1, chấp nhận 01 phần kháng cáo đề nghị tăng bồi thường của người bị hại Vũ Đình L.

Về xử lý vật chứng, chấp nhận 01 phần kháng cáo về xử lý vật chứng của người bị hại Vũ Đình L, hủy 01 phần bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán để điều tra lại và giải quyết nội dung xử lý vật chứng theo thủ tục chung.

Về án phí, giải quyết theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH

Sửa án sơ thẩm. Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Bàn Hồng T; không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lý Văn C; đình chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Trương Thanh Q và bị cáo Đặng Văn H.

Chấp nhận 01 phần kháng cáo đề nghị tăng bồi thường dân sự của người bị hại anh Vũ Đình L; không chấp nhận kháng cáo đề nghị tăng bồi thường dân sự của người bị hại ông Nguyễn Văn H1; không chấp nhận kháng cáo đề

nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo (trừ bị cáo Bàn Hồng T) của người bị hại anh Vũ Đình L, ông Nguyễn Văn H1.

Chấp nhận 01 phần kháng cáo đề nghị xử lý vật chứng của người bị hại, hủy 01 phần xử lý vật chứng của bản án sơ thẩm số 74/2017/HSST ngày 20/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán để điều tra lại và giải quyết nội dung xử lý vật chứng (phương tiện phạm tội) theo thủ tục chung.

Tuyên bố: Các bị cáo Lý Văn C, Bàn Hồng T, Trương Thanh Q, Đặng Văn H, Đặng Xuân H3, Đặng Văn C1, Lý Văn C2, Đặng Phúc S1, Trần Minh T1, Trần Minh C3, Lưng Hòng Đ2, Hoàng Công Đ1, Đặng Văn T2, Lương Mạnh V2, Vi Văn P4 phạm tội "*Cố ý gây thương tích*";

Áp dụng điểm a, c, i, khoản 1, khoản 2, Điều 104; điểm b, p, khoản 1, khoản 2, Điều 46; Điều 53; Điều 68, Điều 69, Điều 74 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo **Lý Văn C 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án.

Áp dụng điểm a, c, i, khoản 1, khoản 2, Điều 104 ; điểm b, p, khoản 1, khoản 2, Điều 46; Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt:

-Bị cáo **Bàn Hồng T 02 (hai) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 01/6/2016.

-Bị cáo **Trương Thanh Q 03 (ba) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 02/6/2016.

-Bị cáo **Đặng Văn H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 10/6/2016.

-Bị cáo **Đặng Xuân H3 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 01/6/2016.

-Bị cáo **Đặng Văn C1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 01/6/2016.

-Bị cáo **Lý Văn C2 02 (hai) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 01/6/2016.

-Bị cáo **Đặng Phúc S1 03 (ba) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 01/6/2016.

-Bị cáo **Lưng Hòng Đ2 02 (hai) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 10/6/2016.

-Bị cáo **Hoàng Công Đ1 02 (hai) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 01/6/2016.

-Bị cáo **Đặng Văn T2 02 (hai) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 01/6/2016.

-Bị cáo **Lương Mạnh V2 02 (hai) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 10/6/2016.

-Bị cáo **Vi Văn P4 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 02/6/2016.

Áp dụng điểm a, c, i, khoản 1, khoản 2, Điều 104 ; điểm p, khoản 1, khoản 2, Điều 46; Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt:

-Bị cáo **Trần Minh T1 02 (hai) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 01/6/2016.

-Bị cáo **Trần Minh C3 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 01/6/2016.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 2, Điều 305; Điều 604, Điều 605, Điều 606; Điều 608; Điều 609; Điều 616 của Bộ luật dân sự năm 2005:

Buộc ông Lý Mộc P5 và bà Đặng Thị M2 phải bồi thường cho anh Vũ Đình L số tiền 2.967.533đ, Ông P5 và Bà M2 đã bồi thường 2.000.000đ nên phải bồi thường tiếp cho anh L số tiền **967.533đ** (*Chín trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi ba đồng*); bồi thường cho ông Nguyễn Văn H1 số tiền là **231.000đ** (*Hai trăm ba mươi mốt nghìn đồng*).

Buộc các bị cáo Trương Thanh Q, Đặng Văn H, Đặng Xuân H3, Đặng Văn C1, Lý Văn C2, Đặng Phúc S1, Trần Minh T1, Trần Minh C3, Lưng Hòng Đ2, Hoàng Công Đ1, Đặng Văn T2, Lương Mạnh V2, Vi Văn P4, mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh Vũ Đình L số tiền 2.967.533đ. Gia đình các bị cáo Trương Thanh Q, Đặng Văn H, Đặng Xuân H3, Đặng Văn C1, Đặng Phúc S1, Lưng Hòng Đ2, Hoàng Công Đ1, Lương Mạnh V2, Vi Văn P4 đã bồi thường số tiền 2.000.000đ nên mỗi bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền là **967.533đ** (*Chín trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi ba đồng*). Gia đình bị cáo Lý Văn C2 và Đặng Văn T2 đã bồi thường 1.000.000đ nên bị cáo Lý Văn C2 và bị cáo Đặng Văn T2 phải bồi thường tiếp số tiền là **1.967.533đ** (*Một triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi ba đồng*) cho anh Lợi.

Buộc các bị cáo Trương Thanh Q, Đặng Văn H, Đặng Xuân H3, Đặng Văn C1, Lý Văn C2, Đặng Phúc S1, Trần Minh T1, Trần Minh C3, Lưng Hòng Đ2, Hoàng Công Đ1, Đặng Văn T2, Lương Mạnh V2, Vi Văn P4 mỗi bị cáo phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn H1 số tiền là **231.000đ** (*Hai trăm ba mươi mốt nghìn đồng)*.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Các bị cáo Bàn Hồng T, bị cáo Trương Thanh Q, bị cáo Đặng Văn H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm;

Buộc ông Lý Mộc P5, bà Đặng Thị M2 là đại diện hợp pháp cho bị cáo chưa thành niên có kháng cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKS tỉnh- VKS huyện (02);
- PV 27 (01);
- TAND huyện (02);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

- CA huyện (01);
- B5- Bị cáo- Bị hại (32);
- Lưu (03).

Nguyễn Thành Sơn